CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP

Ngày 31/03/2025	36,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	13.6%	**7.3%**	**24.1%**

DT thuần
Q1/25
188
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 30.0| 18.8%
YoY: ▲ 21.0| 12.4%

LN thuần
Q1/25
20.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.10| -9.4%
YoY: ▲ 7.00| 52.2%

LN sau thuế
Q1/25
16.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.60| -21.5%
YoY: ▲ 5.80| 53.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
11.0%
YoY: +/-▼ 3.3%

ROE (TTM)
Q1/25
24.0%
YoY: +/-▲ 2.1%

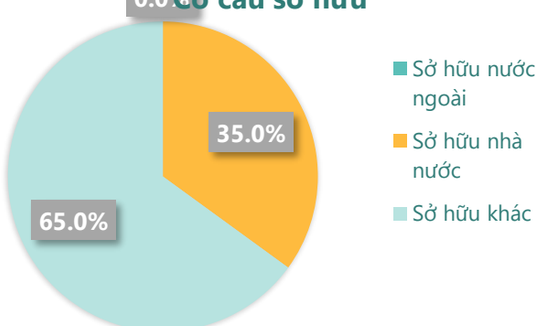
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	27,595 - 36,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	716
Số lượng CPLH (CP)	19,511,389
KLGD BQ 20 phiên (CP)	50
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(1.89)
EPS	3,538
P/E	10.4

DT thuần
2024
678
tỷ VNĐ
YoY: ▼38.0| -5.3%

LN thuần
2024
73.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.00| -9.9%

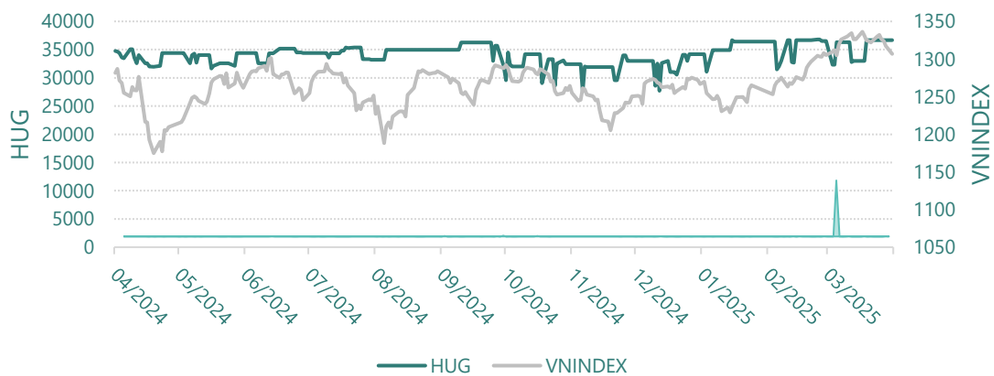
LN sau thuế
2024
64.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.20| -12.5%

Cơ cấu sở hữu

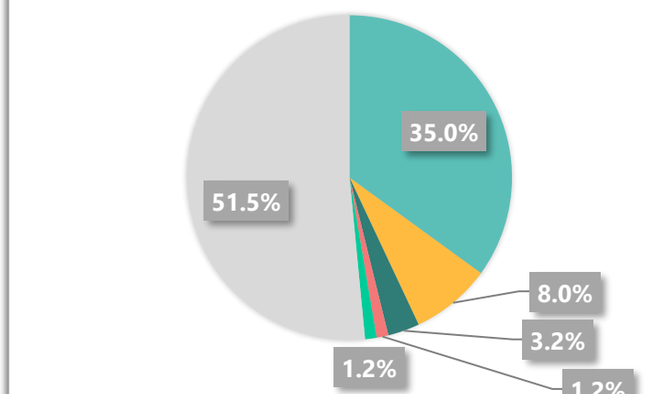


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



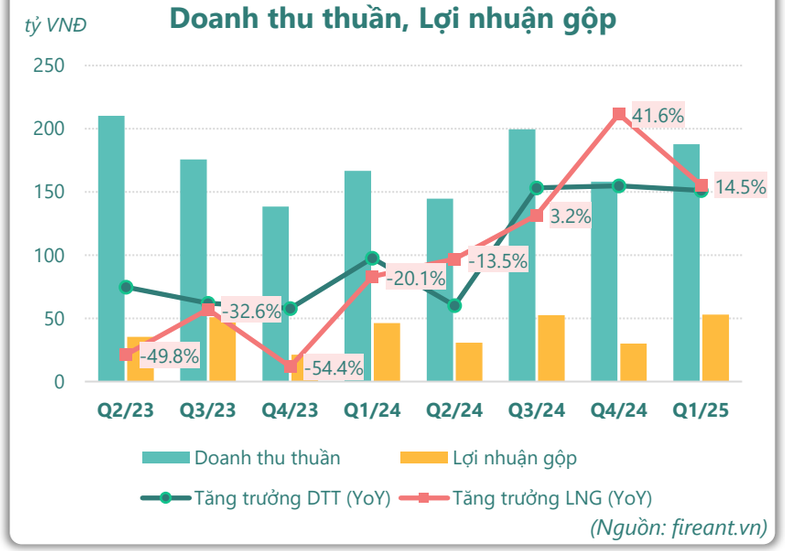
Cơ cấu cổ đông



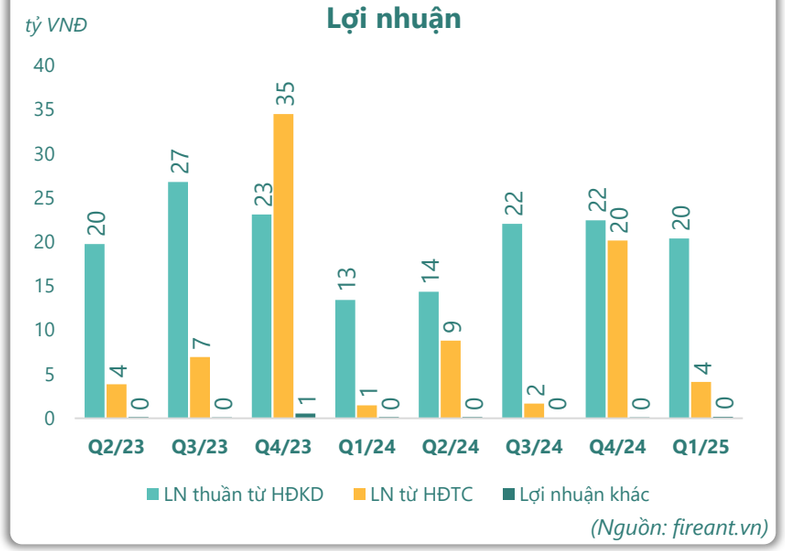
- Tập đoàn Dệt may Việt Nam
- Phạm Tuấn Anh
- Nguyễn Xuân Dương
- Nguyễn Thị Hiên
- Nguyễn Văn Trung (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

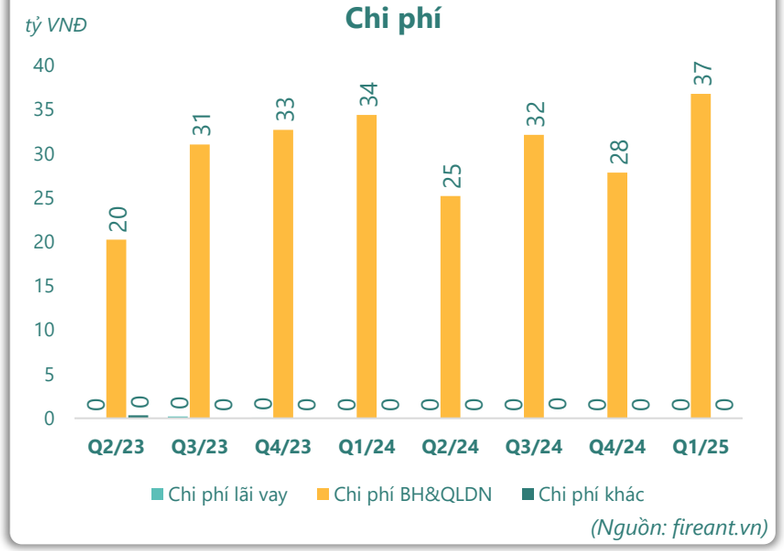
KẾT QUẢ KINH DOANH



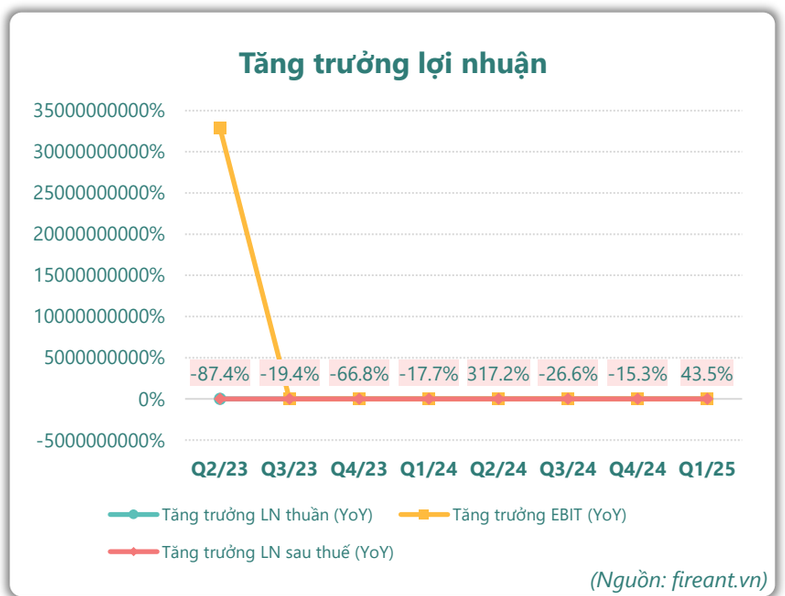
(Nguồn: fireant.vn)



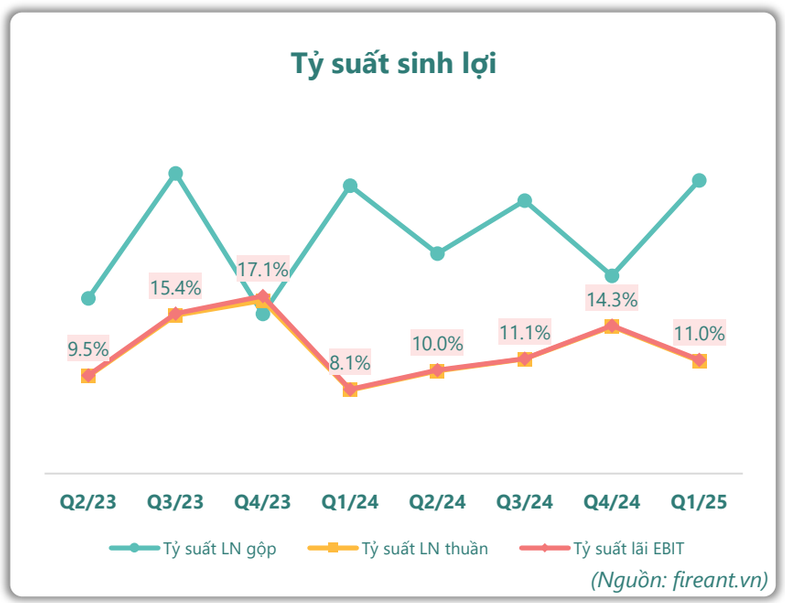
(Nguồn: fireant.vn)



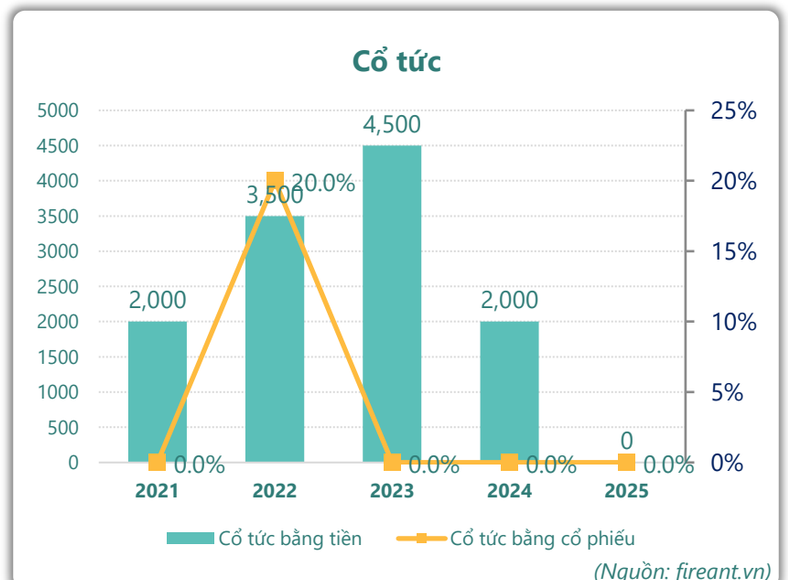
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



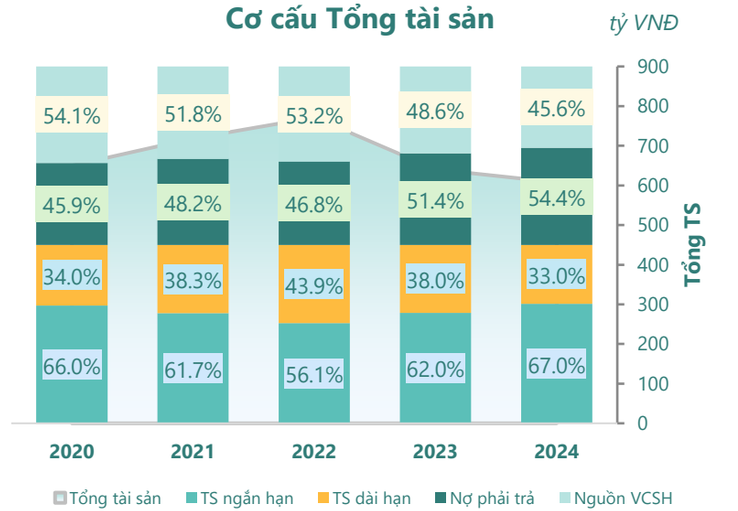
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

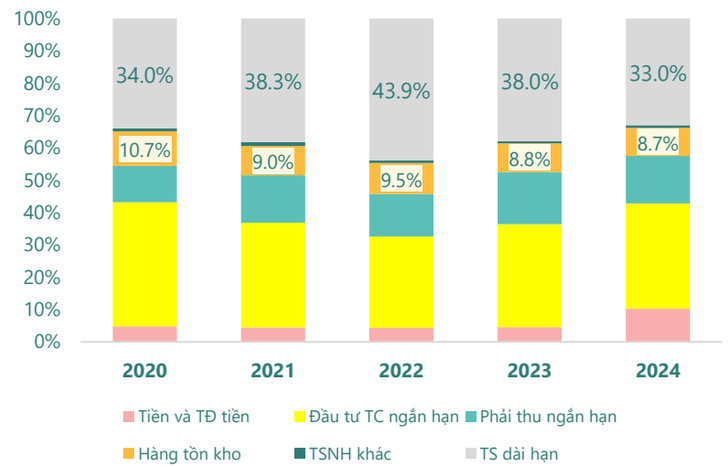
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



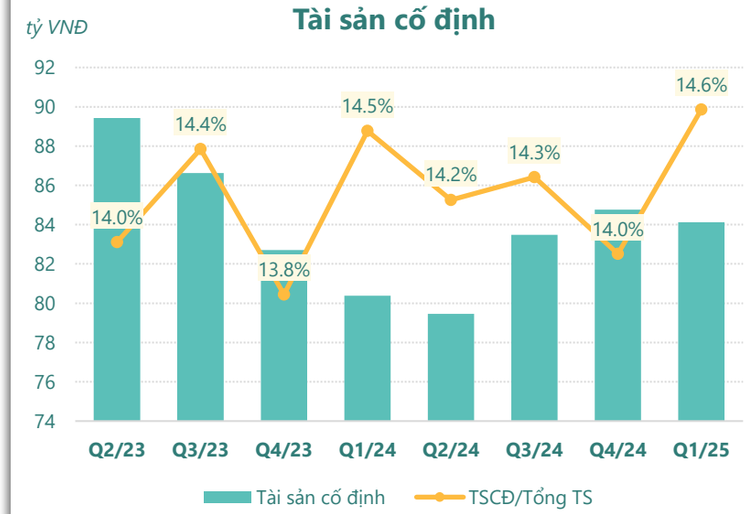
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



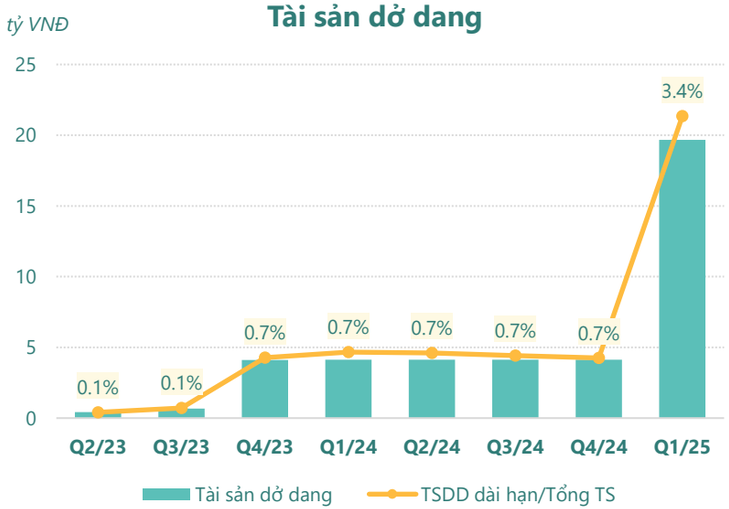
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



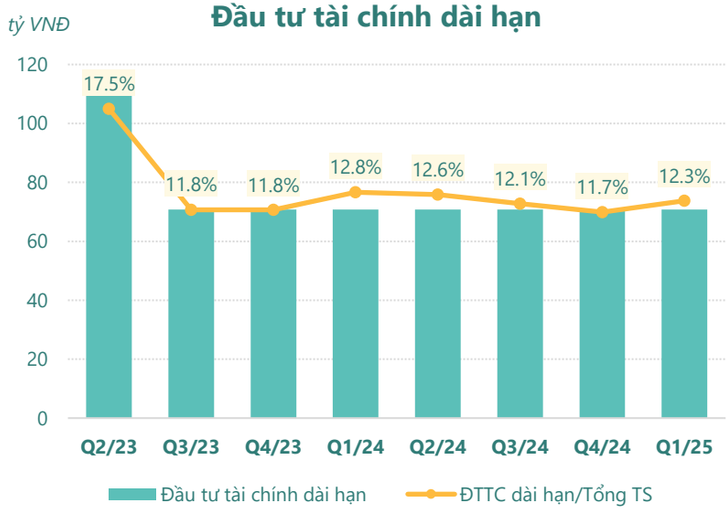
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



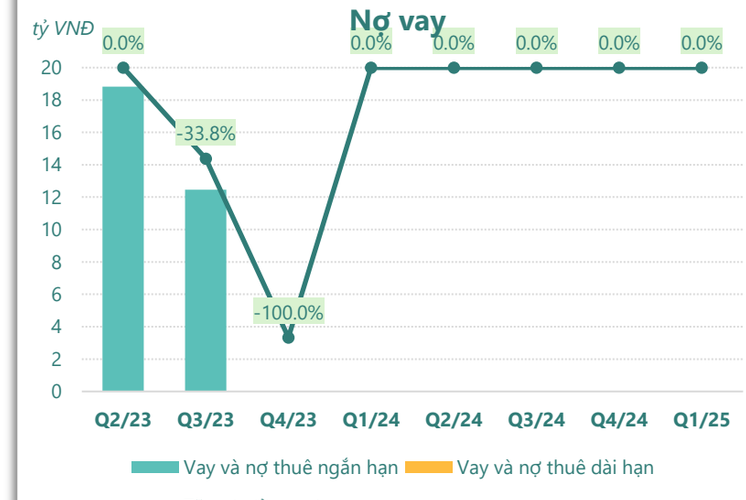
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

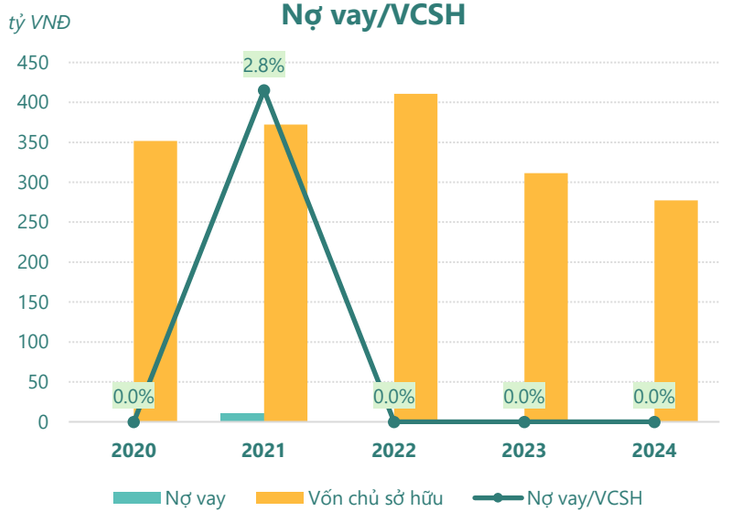
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

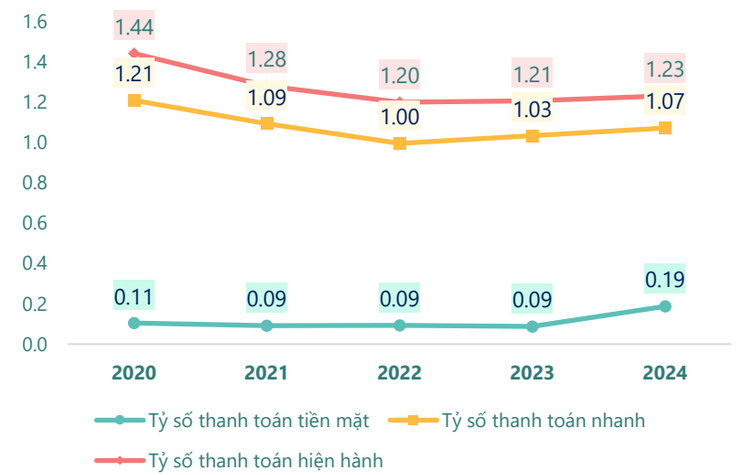
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



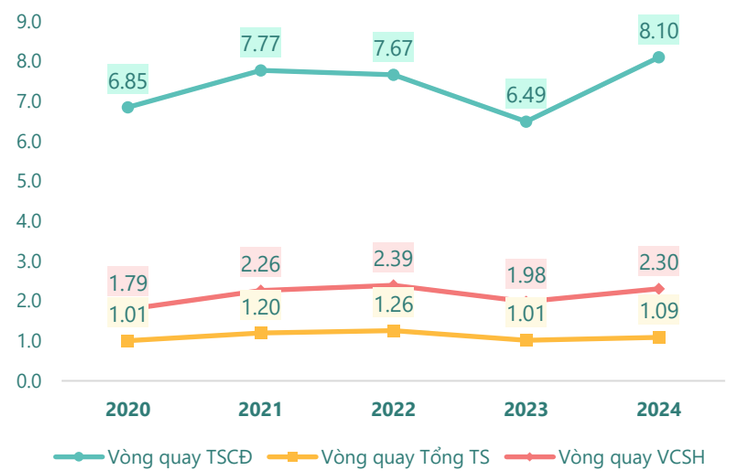
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



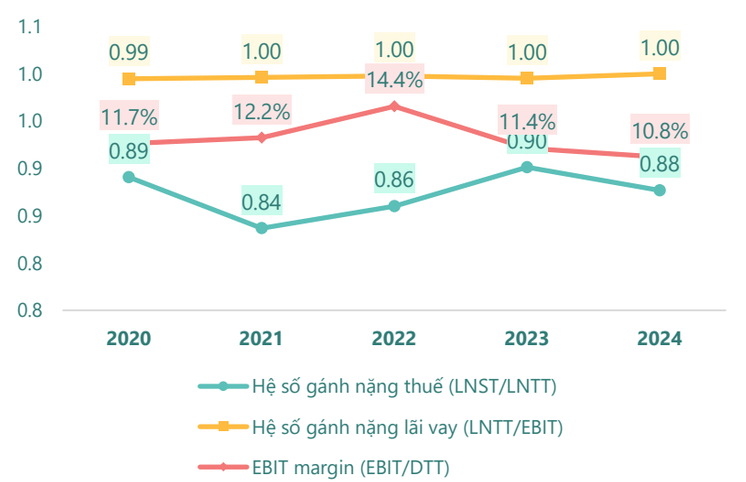
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



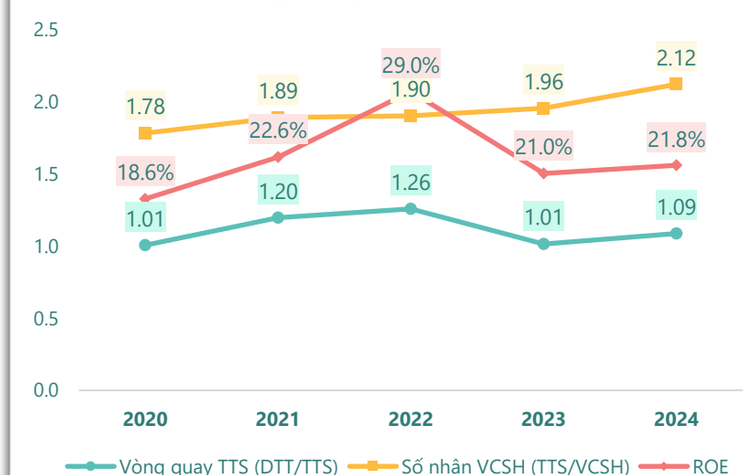
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



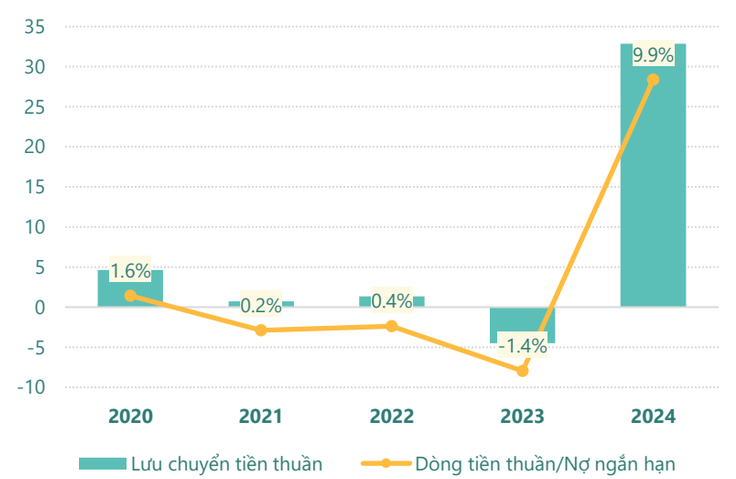
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**188**	**167**	**12.4%**	**678**	**716**	**-5.3%**
Giá vốn hàng bán	135	120	12.2%	519	558	-7.0%
Lợi nhuận gộp	53.1	46.3	14.6%	159	158	0.7%
Doanh thu HĐTC	4.13	1.48	179%	35.6	47.8	-25.6%
Chi phí TC	0.01	0.00		2.74	2.47	11.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.38	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**1.90**	**-100%**
Chi phí bán hàng	19.7	17.7	11.4%	66.7	77.5	-14.0%
Chi phí QLDN	**17.1**	**16.7**	**2.2%**	**52.4**	**46.8**	**11.9%**
LN thuần từ HĐKD	20.4	13.4	52.2%	73.0	81.0	-9.9%
Lợi nhuận khác	**0.18**	**0.13**	**35.3%**	**0.31**	**0.50**	**-39.1%**
LN trước thuế	20.6	13.6	51.2%	73.3	81.5	-10.1%
Lợi nhuận sau thuế	**16.7**	**10.9**	**53.4%**	**64.2**	**73.4**	**-12.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**16.7**	**10.9**	**53.4%**	**64.2**	**76.0**	**-15.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.89	-17.8	24.5	28.8	9.63	-55.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.20	39.3	12.3	7.06	-31.9	43.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.5	-19.0	-16.3	-12.0	8.39	-6.02
Tiền đầu kỳ	44.6	28.9	31.3	51.8	75.7	61.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-15.8**	**2.44**	**20.5**	**23.9**	**-13.9**	**-17.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.16	0
Tiền cuối kỳ	28.8	31.3	51.8	75.7	62.0	44.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**576**	**608**	**-5.3%**
Tài sản ngắn hạn	393	407	-3.5%
Tiền và tương đương tiền	44.2	61.9	-28.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	184	198	-7.4%
Phải thu ngắn hạn	115	89.5	28.0%
Hàng tồn kho	40.0	52.8	-24.3%
Tài sản ngắn hạn khác	10.3	4.58	125%
Tài sản dài hạn	**183**	**201**	**-8.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	84.1	84.8	-0.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	19.7	4.13	376%
Đầu tư tài chính dài hạn	70.8	104	-31.7%
Tài sản dài hạn khác	**8.52**	**8.34**	**2.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	282	331	-14.8%
Nợ ngắn hạn	**282**	**331**	**-14.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	37.9	32.5	16.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**294**	**277**	**6.0%**
Vốn chủ sở hữu	**294**	**277**	**6.0%**
Vốn điều lệ	195	195	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)